|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: 33/2018/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2018* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN**

**ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2013 ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư* *số 26/2013/TT-NHNN).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN như sau:**

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 2.** Định kỳ hàng tháng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước sử dụng mẫu Bảng kê từ Phụ lục số 01 đến Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này để tính, thu phí dịch vụ thanh toán và tổng hợp số liệu thu phí dịch vụ thanh toán theo mẫu Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.”.

2. Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung Mục 1.3 “Phí xử lý kết quả quyết toán ròng từ các Hệ thống khác” và Mục 1.4 “Phí giao dịch thanh toán ngoại tệ” vào Mục 1 “Phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống TTĐTLNH” tại Phần III “Phí dịch vụ thanh toán trong nước”, cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Loại phí** | **Đơn vị thu phí** | **Đối tượng** **trả phí** | **Mức phí** |
| 1.3 | Phí xử lý kết quả quyết toán ròng từ các Hệ thống khác  | Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước | Thành viên trả tiền (ghi Nợ tài khoản tiền gửi tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước) | **0,02%** số tiền thanh toán (tối thiểu **4.000 đồng**/món,tối đa **100.000** **đồng**/món) |
| 1.4 | Phí giao dịch thanh toán ngoại tệ |
| a) | Thanh toán bằng Đô la Mỹ (USD) | Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Thành viên hoặc đơn vị thành viên gửi Lệnh thanh toán  | **0,02%** số tiền thanh toán(tối thiểu **0,2 usd**/món, tối đa **5 usd** /món) |
| b) | Thanh toán bằng Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) | **0,02%** số tiền thanh toán (tối thiểu **0,2 eur**/món, tối đa **5 eur**/món) |

b) Sửa đổi, bổ sung Mục 3 “Phí giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước” tại Phần III “Phí dịch vụ thanh toán trong nước”, cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Loại phí** | **Đơn vị thu phí** | **Đối tượng** **trả phí** | **Mức phí** |
| **3.** | **Phí giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước** |
| 3.1 | Thanh toán bằng VND | Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ đơn vị chuyển (trả) tiền | Đơn vị chuyển (trả) tiền | **0,02%** số tiền thanh toán(Tối thiểu **10.000 đồng**/ món; Tối đa **100.000 đồng**/ món) |
| 3.2 | Thanh toán bằng Đô la Mỹ (USD | **0,02%** số tiền thanh toán (tối thiểu **0,2 usd**/món, tối đa **5 usd**/món) |
| 3.3 | Thanh toán bằng Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) | **0,02%** số tiền thanh toán(tối thiểu **0,2 eur**/món, tối đa **5 eur**/món) |

3. Thay thế các mẫu Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-NHNN bằng các Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bổ sung mẫu Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ Tài chính - Kế toán hướng dẫn việc hạch toán kế toán đối với các giao dịch thu phí dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức khác sử dụng dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019. .

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như khoản 2 Điều 2;- Ban lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Cổng thông tin điện tử NHNN; - Lưu: VT, PC, TT. | **THỐNG ĐỐC** |